TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10**/2019/DS-PT
Ngày: 01 - 3 - 2019
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Cầu**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Mai Xuân Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2018/TLPT-DS ngày 01-10-2018 về "*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 10-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 196/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1954; địa chỉ: Nhà số 06, ngõ 29, đường Tr, phường H2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Bà **Cao Thị D**, sinh năm 1962; địa chỉ: xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh **Nguyễn Cao T**, sinh năm 1988; trú tại: Xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân huyện Q2, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân Đ** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q2, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Hoa L**; địa chỉ: tổ dân phố 6, phường Nam Lý, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H3.

- Bà **Đàm Thị L1**, sinh năm 1958;

- Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1978;

- Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1965;

Đều trú tại: xóm 2, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Quảng Bình. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Nguyễn Thị L2**, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Ph4, xã Q3, huyện Q2, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đàm Thị L1, bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị L2: ông **Nguyễn Văn P** (theo văn bản ủy quyền ngày 14-11-2017). Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1945; địa chỉ: phường Q4, thị xã B3, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: ông **Nguyễn Văn P** (theo văn bản ủy quyền ngày 16-11-2017). Có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1940;

- Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1969;

- Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1972;

- Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1973;

- Anh **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1975;

- Anh **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1977;

- Anh **Nguyễn Ngọc B1**, sinh năm 1992;

- Anh **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1974;

- Chị **Nguyễn Thị Ph1**, sinh năm 1976;

- Anh **Nguyễn Văn M1**, sinh năm 1980;

- Chị **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1982,

- Chị **Nguyễn Thị D1**, sinh năm 1984;

Đều trú tại: Thôn 1, xã Th1, huyện B4, tỉnh Bình Phước. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn K và cụ Nguyễn Thị T3 khi còn sống tạo lập được tài sản là thửa đất số 674, tờ bản đồ địa chính số 7, diện tích 919m^2 tại xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, Huyện Q2, Quảng Bình, hai cụ sinh được 07 người con là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị K1 (chết năm 2002), ông Nguyễn Đình T4 (chết năm 2003), ông Nguyễn Hoa L, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị T1. Cụ Nguyễn K mất năm 1982. Cụ Nguyễn Thị T3 mất năm 2013.

Nguồn gốc tài sản trên do ông bà tổ tiên để lại. Khi cụ Nguyễn Thị T3 còn sống, bà Cao Thị D (vợ ông Nguyễn Hoa L) là con dâu ở cùng trong nhà tự đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất mang tên Cao Thị D. Năm 2013 mẹ ông mất không để lại di chúc. Ngày 03-8-2015, gia đình tổ chức họp để bàn việc xây nhà thờ tự ông bà tổ tiên thì bà Cao Thị D không nhất trí vì cho rằng thửa đất này Nhà nước đã cấp cho bà Cao Thị D. Ngày 09-10-2015, ủy ban nhân dân xã Q1 tổ chức hòa giải giữa các anh em ông Nguyễn Văn P với bà Cao Thị D nhưng không thành nên ngày 18-10-2017 ông Nguyễn Văn P làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 995528 ngày 18-10-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Q2 cấp cho bà Cao Thị D.

Bà Cao Thị D và chị Nguyễn Thị Huệ được bà Cao Thị D ủy quyền trình bày:

Bà Cao Thị D kết hôn với ông Nguyễn Hoa L vào năm 1981, vợ chồng bà Cao Thị D cùng sinh sống với bố mẹ chồng là cụ Nguyễn K, cụ Nguyễn Thị T3 trên thửa đất số 674, tờ bản đồ số 7 địa chỉ xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2. Năm 1982, cụ Nguyễn K chết. Năm 1993, Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân đang sử dụng đất nhưng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Cao Thị D được mẹ chồng là cụ Nguyễn Thị T3 đồng ý trao quyền sử dụng đất, việc trao quyền này không có văn bản chỉ nói miệng, bà Cao Thị D đã làm hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng thủ tục và đã được Ủy ban nhân dân huyện Q2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05237 ngày 04-10-1993 mang tên bà Cao Thị D với diện tích 790m^2 (250m^2 đất ở và 540m^2 đất màu). Năm 2010, Nhà nước có chủ trương cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Cao Thị D đã làm thủ tục cấp đổi

theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện Q2 đã cấp đổi cho bà Cao Thị D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG995528 ngày 18-10-2012 với diện tích: 919 m^2 (Trong đó đất ở 250m^2, đất trồng cây HNK: 669m^2). Bà D, chị Nguyễn Thị Huệ cho rằng thửa đất trên của bà Cao Thị D được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, không phải là tài sản thừa kế nên không đồng ý với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hoa L trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 674 tờ bản đồ số 7, với diện tích 919m^2 tại xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2 là đất thổ cư của ông bà để lại cho bố mẹ ông là cụ Nguyễn K, cụ Nguyễn Thị T3. Năm 1982, ông Nguyễn Hoa L lấy vợ là bà Cao Thị D về cùng sống trong nhà bố mẹ. Cuối năm 1982, ông Nguyễn K chết, năm 1988 do nhà ở xuống cấp nên gia đình ông Nguyễn Hoa L làm lại hoàn toàn và ở trên thửa đất này. Đến năm 1990, vợ chồng ông bà sống ly thân, ông Nguyễn Hoa L giao lại toàn bộ tài sản cho bà Cao Thị D sử dụng, bà Cao Thị D và các con cùng ở với cụ Nguyễn Thị T3 còn ông Nguyễn Hoa L sống ở nơi khác. Việc bà Cao Thị D làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Cao Thị D, ông Nguyễn Hoa L không biết, về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Hoa L yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L2 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án và đề nghị về phần tài sản được hưởng thừa kế để lại cho ông Nguyễn Văn P làm nơi thờ tự cho ông bà, tổ tiên.

Ông Nguyễn Đình T4, mất năm 2003 có vợ là Đàm Thị L1, sinh năm 1958; có 06 người con gồm: anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1974; chị Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1976; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1980; chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1982; chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1984; tất cả đều có bản tự khai về phần tài sản hưởng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Đình T4 để lại cho ông Nguyễn Văn P làm nơi thờ tự ông bà, tổ tiên.

Bà Nguyễn Thị K1 mất năm 2002 có chồng là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1940; Có 06 người con gồm: anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1969; anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972; chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975; anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1977; anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1992; Tất cả đều có bản tự khai đề nghị về phần tài

sản được hưởng thừa kế thế vị để lại cho ông Nguyễn Văn P làm nơi thờ tự ông bà, tổ tiên.

Tại Văn bản số 1312a/UBND-TNMT ngày 11-12-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Q2 trình bày:

Tháng 8/1993, bà Cao Thị D đã đăng ký đất đai tại Ủy ban nhân dân xã Q1 và có tên trong sổ đăng ký ruộng đất do Ủy ban nhân dân xã Q1 lập ngày 07-8-1993. Theo quy định tại Điều 18 Luật đất đai 1987, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23-3-1989 của Hội đồng bộ trưởng về thi hành Luật đất đai năm 1987, bà Cao Thị D đã thực hiện việc đăng ký ban đầu đúng quy định. Ngày 04-10-1993, bà Cao Thị D được Ủy ban nhân dân huyện Q2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Trên cơ sở hồ sơ địa chính, bản đồ được đo đạc năm 2012 và đơn đề nghị cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D, ngày 18-10-2012 Ủy ban nhân dân huyện Q2 cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG995528 với diện tích đất 919 m^2 (Trong đó đất ở 250m^2, đất trồng cây HNK: 669m^2) cho bà Cao Thị D.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 và việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất vào năm 2012 cho bà Cao Thị D là thực hiện đúng trình tự thủ tục Luật đất đai năm 1987; Luật đất đai năm 2003; Điều 23 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ; Điều 14 Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 28-3-2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định về trình tự, thủ tục về giao đất làm nhà ở và thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai. Tuy nhiên, tại thời điểm làm đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận bà Cao Thị D đã kê khai hộ độc thân và đã được Ủy ban nhân dân xã Q1 xác nhận là không đúng quy định. Do đó Ủy ban nhân dân huyện Q2 đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành để xem xét giải quyết vụ án theo luật định.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tổ chức hòa giải cho các đương sự nhưng không thành, tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Q2 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 10-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 273; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn K và cụ Nguyễn Thị T3 để lại là thửa đất số: 674 tờ bản đồ số 7, với diện tích 919m^2 tại xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2. Tổng giá trị thửa đất có trị giá: 50.577.000 đồng. Di sản được chia theo pháp luật.

Mỗi phần di sản được hưởng tính theo hiện vật và giá trị thừa đất là: 131,28 m^2 đất có trị giá 7.224.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện của bà Đàm Thị L1; anh Nguyễn Văn Ph; chị Nguyễn Thị Ph1; anh Nguyễn Văn Q; anh Nguyễn Văn M1; chị Nguyễn Thị N2; chị Nguyễn Thị D1 (là những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Đình T4 chết năm 2003). Ông Nguyễn Văn C; anh Nguyễn Văn N; anh Nguyễn Văn H1; chị Nguyễn Thị B; anh Nguyễn Văn T2; anh Nguyễn Văn N1; anh Nguyễn Văn B1 (là những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị K1 chết năm 2002). Bà Nguyễn Thị H; Bà Nguyễn Thị T1; Bà Nguyễn Thị L2; tất cả đều giao phần di sản được thừa kế của mình lại cho ông Nguyễn Văn P làm nơi thờ tự cho ông bà.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P được nhận phần diện tích trồng hoa màu trong thửa đất 674 tờ bản đồ số 7 tại xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2.

* Phân chia theo hiện vật:

+ Chia cho ông Nguyễn Văn P được sử dụng diện tích 216,4 m^2 đất trong đó đất ở 100m^2, đất trồng cây HNK 116,4m^2, có tứ cạnh như sau:

Phía Đông giáp thửa số 593 tờ bản đồ số 8 có cạnh kích thước 9m.

Phía Tây giáp đường giao thông có cạnh kích thước 8m.

Phía Nam giáp thửa 746 tờ bản đồ số 7 có cạnh kích thước 24,56m.

Phía Bắc giáp thửa đất có công trình nhà ở và công trình phụ của bà Cao Thị D, có kích thước 26,2m.

Tổng giá trị thửa đất ông Nguyễn Văn P được hưởng là: 15.241.200 đồng.

+ Chia cho ông Nguyễn Hoa L và bà Cao Thị D được sử dụng thửa đất diện tích: 702,6m^2 trong đó 150m^2 đất ở và 552.6m^2 đất trồng cây HNK, có tứ cạnh như sau:

Phía Đông giáp thửa số 593 tờ bản đồ số 8 có kích thước 12,35m và thửa số 549 tờ bản đồ số 8 có kích thước 16,60m.

Phía Tây giáp đường giao thông có cạnh kích thước 22,97m;

Phía Nam giáp với thửa đất giao cho ông Nguyễn Văn P có cạnh kích thước: 26,2 m;

Phía Bắc giáp với thửa 616 tờ bản đồ số 7 có kích thước 25,56m.

Tổng giá trị thửa đất ông Nguyễn Hoa L và bà Cao Thị D được hưởng là: 35.335.800 đồng.

Ông Nguyễn Văn P; ông Nguyễn Hoa L và bà Cao Thị D trực tiếp liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần tài sản được phân chia.

(có sơ đồ kèm theo bản án số 12/2018/DS-ST ngày 10-8-2018).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG995528 ngày 18-10-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Q2 cấp cho bà Cao Thị D với diện tích đất: 919m^2 (Trong đó đất ở 250m^2, đất trồng cây HNK: 669 m^2).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12-8-2018, bà Cao Thị D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05237 ngày 04-10-1993 diện tích 790 m^2 để gia đình bà sử dụng và thờ cúng ông bà tổ tiên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án, quá trình tố tụng đến nay đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Cao Thị D. Giữ nguyên Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 10-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Q2, tỉnh Quảng Bình có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Đàm Thị L1, anh Nguyễn Văn Ph, chị Nguyễn Thị Ph1, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn M1, chị Nguyễn Thị N2 và chị Nguyễn Thị D1 đều vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 674 tờ bản đồ số 7 địa chỉ xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Quảng Bình, trước đây là của ông, bà tổ tiên để lại cho cụ Nguyễn K và cụ Nguyễn Thị T3. Năm 1981, bà Cao Thị D kết hôn với ông Nguyễn Hoa L cùng sinh sống với các cụ Nguyễn K, Nguyễn Thị T3 ở trên thửa đất số 674. Năm 1982, cụ Nguyễn K chết. Vợ chồng bà Cao Thị D, ông Nguyễn Hoa L tiếp tục sinh sống cùng cụ T3. Năm 2013, cụ Nguyễn Thị T3 mất, đến năm 1990 ông Nguyễn Hoa L và bà Cao Thị D ly thân. Bà Cao Thị D cho rằng khi còn sống cụ K, cụ T3 đã tặng cho vợ chồng bà Cao Thị D, ông Nguyễn Hoa L nhà, đất năm 1982. Sau đó ông Nguyễn Hoa L giao lại cho toàn bộ nhà, đất cho bà Cao Thị D và các con năm 1990. Năm 1993, Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Cao Thị D mới làm hồ sơ và được Ủy ban nhân dân huyện Q2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05237, diện tích 790 m^2 thuộc thửa đất số 674 ngày 04-10-1993 mang tên bà Cao Thị D. Ngày 18-10-2012, tiếp tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG995528 diện tích đất 919m^2 cho bà Cao Thị D. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thứ nhất, tại Bản tự khai ngày 05-12-2017, ông Nguyễn Hoa L trình bày "*Nguồn gốc thửa đất số 674 tờ bản đồ số 7, với diện tích 919m^2 tại xóm 9, thôn Ph3 là đất thổ cư của ông bà để lại cho cha mẹ của sáu chị em chúng tôi là ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị T3...Năm 1982, tôi lấy vợ là bà Cao Thị D về ở trong nhà cuối năm 1982 cha tôi Nguyễn K ốm chết đến năm 1988 do nhà xuống cấp nên tôi tháo dỡ, gia đình tôi làm lại hoàn toàn trên thửa đất nói trên. đến năm 1990 thì vợ chồng tôi không sống với nhau nữa và ly thân và tôi giao lại toàn bộ tài sản, đất đai lại cho vợ con tôi là bà Cao Thị D và sau đó bà cao thị D đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ là tôi hoàn toàn không biết"*. Như vậy, ông Nguyễn Hoa L khẳng định việc bà Cao Thị D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05237, thửa đất 674 thì ông hoàn toàn không biết. Bản thân ông Nguyễn Hoa L chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nếu có giao lại toàn bộ tài sản, quyền sử dụng đất là giao quyền quản lý, sử dụng chứ không giao lại quyền định đoạt cho bà Cao Thị D.

Thứ hai, khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự 2005 quy định: "*Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu"*. Như vậy, việc tặng cho tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất pháp luật quy định phải được lập thành văn bản chứ không thể "nói miệng" như bà Cao Thị D trình bày. Hơn nữa, ông Nguyễn Văn P và toàn bộ những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều không thừa nhận nên lời khai của bà Cao Thị D nên không có cơ sở chấp nhận.

Thứ ba, Biên bản họp gia đình ngày 03-8-2015 thể hiện có đầy đủ các 06 anh, chị em trong gia đình của ông Nguyễn Văn P tổ chức họp để bàn việc xây nhà thờ tự ông bà tổ tiên và sự có mặt của bà Cao Thị D nhưng đã không thống nhất được việc xây dựng nhà thờ họ tại khuôn viên thửa đất số 674 tờ bản đồ số 7 địa chỉ xóm 9, thôn Ph3, xã Q1 (BL 07).

Như vậy, ngôi nhà và quyền sử dụng đất thửa số 674 tại xóm 9, thôn Ph3, xã Q1 vẫn thuộc tài sản của cụ Nguyễn K, cụ Nguyễn Thị T3 chưa được phân chia thừa kế. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện Q2 dựa vào hồ sơ xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - cho rằng hồ sơ hợp lệ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05237 diện tích 790 m^2 ngày 04-10-1993 mang tên bà Cao Thị D. Ngày 18-10-2012, tiếp tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất số BG995528, diện tích đất 919m^2 thuộc thửa đất số 674 tại xóm 9, thôn Ph3, xã Q1 cho bà Cao Thị D là không đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về hàng thừa kế và phân chia di sản của cụ Nguyễn K, cụ Nguyễn Thị T3:

Cụ Nguyễn K, cụ Nguyễn Thị T3 có 07 người con, gồm: Ông Nguyễn Đình T4 (chết 2003), bà Nguyễn Thị K1 (chết 2002), ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoa L, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L2. Nhà, đất số 674, diện tích 919 m^2 trị giá 50.577.000 đồng được chia đều cho những người thừa kế. Mỗi kỷ phần được nhận 131,28 m^2, trị giá 7.224.000 đồng. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị T1; bà Nguyễn Thị L2; bà Đàm Thị L1 (vợ ông T4), anh Nguyễn Văn Ph, chị Nguyễn Thị Ph1, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn M1, chị Nguyễn Thị N2 và chị Nguyễn Thị D1 là những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Đình T4; những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị K1 là ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn B1 đều tự nguyện giao phần di sản được thừa kế của mình lại cho ông Nguyễn Văn P làm nơi thờ tự cho ông bà tổ tiên. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn P tự nguyện nhận phần diện

tích 216,4 m^2 (đất ở 100m^2, đất trồng cây HNK 116,4m^2) đất là ít hơn phần được hưởng như cấp sơ thẩm phân tích là đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị D. Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo của bà Cao Thị D không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 10-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn K và cụ Nguyễn Thị T3 để lại là thửa đất số 674 tờ bản đồ số 7, với diện tích 919m^2 tại xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2. Thửa đất có trị giá: 50.577.000 đồng. Di sản được chia theo pháp luật.

Mỗi phần di sản được hưởng tính theo hiện vật và giá trị thửa đất là 131,28 m^2 đất, trị giá 7.224.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện của bà Đàm Thị L1, anh Nguyễn Văn Ph, chị Nguyễn Thị Ph1, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn M1, chị Nguyễn Thị N2, chị Nguyễn Thị D1 (là những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Đình T4 chết năm 2003). Ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn B1 (là những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị K1 chết năm 2002); bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị T1; bà Nguyễn Thị L2. Tất cả đều giao phần di sản được thừa kế của mình lại cho ông Nguyễn Văn P làm nơi thờ tự cho ông bà tổ tiên.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P được nhận phần diện tích trồng hoa màu trong thửa đất 674 tờ bản đồ số 7 tại xóm 9, thôn Ph3, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Quảng Bình.

Phân chia theo hiện vật:

+ Chia cho ông Nguyễn Văn P được sử dụng diện tích 216,4 m^2 đất trong đó đất ở 100m^2, đất trồng cây HNK 116,4m^2, có tứ cạnh như sau:

Phía Đông giáp thửa số 593 tờ bản đồ số 8 có cạnh kích thước 9m.

Phía Tây giáp đường giao thông có cạnh kích thước 8m.

Phía Nam giáp thửa 746 tờ bản đồ số 7 có cạnh kích thước 24,56m.

Phía Bắc giáp thửa đất có công trình nhà ở và công trình phụ của bà Cao Thị D, có kích thước 26,2m.

Tổng giá trị thửa đất ông Nguyễn Văn P được hưởng là: 15.241.200 đồng.

+ Chia cho ông Nguyễn Hoa L và bà Cao Thị D được sử dụng thửa đất diện tích: 702,6m^2 trong đó 150m^2 đất ở và 552.6m^2 đất trồng cây HNK, có tứ cạnh như sau:

Phía Đông giáp thửa số 593 tờ bản đồ số 8 có kích thước 12,35m và thửa số 549 tờ bản đồ số 8 có kích thước 16,60m.

Phía Tây giáp đường giao thông có cạnh kích thước 22,97m;

Phía Nam giáp với thửa đất giao cho ông Nguyễn Văn P có cạnh kích thước: 26,2 m;

Phía Bắc giáp với thửa 616 tờ bản đồ số 7 có kích thước 25,56m.

Tổng giá trị thửa đất ông Nguyễn Hoa L và bà Cao Thị D được hưởng là: 35.335.800 đồng.

Ông Nguyễn Văn P; ông Nguyễn Hoa L và bà Cao Thị D trực tiếp liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần quyền tài sản được phân chia.

(có sơ đồ kèm theo bản án số 12/2018/DS-ST ngày 10-8-2018)

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG995528 ngày 18-10-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Q2 cấp cho bà Cao Thị D với diện tích đất: 919m^2 (trong đó đất ở 250m^2, đất trồng cây HNK: 669 m^2).

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Bà Cao Thị D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004540 ngày 23-8-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Bà Cao Thị D đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (01-3-2019)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Vụ Giám đốc kiểm tra II, TAND tối cao;
- Cơ quan THADS Quảng Bình;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu